

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Quý IV/2025

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2025						Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lưu kế từ đầu năm				
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10		
	Tổng cộng	24,757,445	21,977,000	839,515	1,940,930	10,148,099	24,670,738	86,707.5			
1	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	20,570,000	19,820,000	-	750,000	6,802,305	20,570,000				
2	Kinh phí không thường xuyên	4,187,445	2,157,000	839,515	1,190,930	3,345,794	4,100,738	86,707.5			
2.1	Kinh phí mua sắm	473,000	526,000	-	53,000	464,400	464,400	8,600			
	Mua 45 bộ máy vi tính để bàn phòng học	473,000	526,000	-	53,000	464,400	464,400	8,600			
2.2	Kinh phí xây dựng, sửa chữa	1,739,515	1,000,000	839,515	100,000	1,682,382	1,682,382	57,133			
1	Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh Khu nhà bộ môn	839,515	839,515	839,515	808,261	808,261	808,261	31,254			
2	Sửa chữa đường bê tông, sân bóng đá	900,000	1,000,000	-	100,000	874,121	874,121	25,879			
2.3	Kinh phí đặc thù	1,974,930.0	631,000.0	-	1,343,930	1,199,012	1,953,955.5	20,974.5			
1	Duy trì phần mềm quản lý tài sản	3,000	3,000	-	-	-	-	3,000			
2	Kinh phí thi tốt nghiệp	201,713			201,713		201,713				
3	KP cấp bù miễn giảm học phí năm	18,487.5	31,000	-	12,512.5		18,487.5				
4	Cấp bù học phí	962,560			962,560		962,560				
5	KP hỗ trợ chi phí học tập năm học	46,350	34,000		12,350		46,350				
6	Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật	35,568	63,000		27,432		35,568				
7	KP chi trả cho người dạy hs khuyết	707,252	500,000		207,252		689,277	17,975			

Người lập biểu

Kế toán

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Thị Thu Huyền

Bùi Thị Thu Huyền

